TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Thạch;

Ông Đinh Hữu Cải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 680/2017/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Thị I, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Tổ 22, ấp T, xã TT, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Tổ 20, ấp T, xã TT, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chị I, anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Châu Thị I trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T sống chung với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 23/12/2015, hôn nhân tự nguyện; trong thời gian chung sống, vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, bên cạnh đó anh T thường xuyên uống rượu về nhà đánh chị, từ đó giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân cách nay khoảng 04 tháng. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con tên Lâm Văn T2, sinh ngày 13-6-2013 và Lâm Minh D, sinh ngày 12-3-2015; hiện 02 cháu đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn, chị giao 02 con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị không tự nguyện đóng góp nuôi con cùng anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Lời khai tại các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh Lâm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị I về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn; giữa vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra, tuy nhiên không trầm trọng như chị I trình bày, anh có uống rượu nhưng không có đánh chị I như chị trình bày, trong thời gian sống chung anh nhận thấy mình có lỗi nên đã xin lỗi và cố gắn sửa sai để hàn gắn cuộc sống gia đình mà chị I không đồng ý và bỏ về nhà mẹ ruột sống từ cuối tháng 12-2017 đến nay. Nay chị I yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, vì còn thương vợ, con.

Về con chung: Anh thống nhất vợ, chồng có 02 người con, họ tên, ngày tháng, năm sinh như chị I trình bày, hiện các cháu đang sống với anh, nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và yêu cầu chị I phải đóng góp cùng anh nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi 02 cháu thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị Châu Thị I vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lâm Minh D, sinh ngày 12-3-2015; giao cháu Lâm Văn T2, sinh ngày 13-6-2013 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi cháu D và không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung. Anh Lâm Văn T không đồng ý ly hôn với chị I, nếu phải ly hôn thì yêu cầu nuôi cháu T2, đồng ý giao cháu D cho chị I trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị I phải đóng góp nuôi cháu T2 và không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Châu Thị I đối với anh Lâm Văn T.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao Lâm Văn T2, sinh ngày 13-6-2013 cho anh Lâm Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lâm Minh D, sinh ngày 12-3-2015 cho chị I trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị I, anh T không yêu cầu phải đóng góp nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị I, anh T không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Châu Thị I phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Châu Thị I và anh Lâm Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị I thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn với chị I với lý do còn thương vợ, con. Tuy nhiên theo các biên bản xác minh tại địa phương nơi chị I và anh T sinh sống thì giữa chị I và anh T có phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12 năm 2017, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu đánh đập chị I và được địa phương hòa giải nhưng không thành nên Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống giữa chị I và anh T có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân giữa anh, chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đI hôn nhân không thể đạt được, do đó chị I yêu cầu ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Châu Thị I đối với anh Lâm Văn T.

[2] Về nuôi con chung: Chị I và anh T có 02 người con tên Lâm Văn T2, sinh ngày 13-6-2013 và Lâm Minh D, sinh ngày 12-3-2015, hiện các cháu đang sống chung với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án chị I đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không tự nguyện đóng góp nuôi con cùng anh T nhưng tại phiên tòa chị I yêu cầu nuôi cháu D, giao cháu T2 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu phải đóng góp nuôi con cho nhau và anh T đồng ý với yêu cầu của chị I. Việc thỏa thuận giữa chị I và anh T thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị I, anh T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Châu Thị I phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Châu Thị I và anh Lâm Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lâm Văn T2, sinh ngày 13-6-2013 cho anh Lâm Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao con chung tên Lâm Minh D, sinh ngày 12-3-2015 cho chị Châu Thị I trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị I, anh T không yêu cầu phải đóng góp nuôi con cho nhau.

Chị I và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị I, anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Châu Thị I phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0025022 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, Tây Ninh; chị I đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Châu Thị I và anh Lâm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc